

Phụ lục I

KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

(Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT)

TRƯỜNG: THCS NGUYỄN TRÃI
TỔ: TỰ NHIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC **TOÁN HỌC**, KHỐI LỚP: **8**

(Năm học 2022 - 2023)

I. Đặc điểm tình hình

1. Số lớp: 03; Số học sinh: 103; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn (nếu có):.....

2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 3; Trình độ đào tạo: Cao đẳng: 01. Đại học: 02; Trên đại học: 00

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên¹: Tốt: 03; Khá: 00; Đạt: 00; Chưa đạt: 00

3. Thiết bị dạy học: (Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1	Máy tính cầm tay	04	Hỗ trợ Thực hành giải toán	
2	Bộ đo khoảng cách, chiều cao	04	Thực hành đo: Khoảng cách, chiều cao	
3				
...				
...				

¹ Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập (Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Sân trường	01	Thực hành đo: Khoảng cách, chiều cao	
2				
...				

II. Kế hoạch dạy học²

1. Phân phối chương trình

ĐẠI SỐ HỌC KỲ I

TT	Tên chủ đề/Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
1	§1. Nhân đơn thức với đa thức	1	Hiểu và vận dụng được tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng $A(B + C) = AB + AC$ trong đó A, B, C là các số hoặc biểu thức đại số .
	Nhân đa thức với đa thức	2	Hiểu và Vận dụng được tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng $(A+B)(C+D) = AC + AD+BC+BD$ trong đó A, B, C,D là các số hoặc biểu thức đại số . - HS thực hiện được phép nhân nhân đa thức với đa thức.
2	Luyện tập	3	- HS thực hiện đúng phép nhân đơn thức với đa thức, đa thức với đa thức.
	§3. Những hằng đẳng thức đáng nhớ	4	– Nhận biết được các khái niệm: hằng đẳng thức. – Mô tả được các hằng đẳng thức: bình phương của tổng và hiệu; hiệu hai bình phương;

² Đối với tổ ghép môn học: khung phân phối chương trình cho các môn

			- Xác định được hằng đẳng thức bình phương của tổng và hiệu; hiệu hai bình phương khi cho biết trước một vế trong trường hợp đơn giản
3	Luyện tập	5	– Có kĩ năng vận dụng được các hằng đẳng thức: bình phương của tổng và hiệu; hiệu hai bình phương để biến đổi một đa thức từ dạng tích dạng tích sang dạng tổng và ngược lại.
	§4 . Những hằng đẳng thức đáng nhớ (tiếp)	6	– Mô tả được các hằng đẳng thức: lập phương của tổng và hiệu; – Biết vận dụng được các hằng đẳng thức: lập phương của tổng và hiệu để biến đổi một đa thức từ dạng tích dạng tích sang dạng tổng và ngược lại.
4	§5. Những hằng đẳng thức đáng nhớ (tiếp)	7	– Mô tả được các hằng đẳng thức: tổng và hiệu hai lập phương. – Biết vận dụng được các hằng đẳng thức: tổng, hiệu hai lập phương để biến đổi một đa thức từ dạng tích dạng tích sang dạng tổng và ngược lại.
	Luyện tập	8	Hiểu và vận dụng được các hằng đẳng thức: $A^3+B^3=(A+B)(A^2-AB+B^2)$; $A^3-B^3 = (A-B)(A^2+AB+B^2)$ (trong đó A, B là các số hoặc các biểu thức đại số) để tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lý giá trị của biểu thức đại số, khai triển hoặc rút gọn được các biểu thức dạng đơn giản.
5	§6. Phân tích đa thức thành nhân tử bằng phương pháp đặt nhân tử chung	9	Vận dụng được phương pháp cơ bản phân tích đa thức thành nhân tử: bằng cách: Đặt nhân tử chung.
	§7. Phân tích đa thức thành nhân tử bằng phương pháp dùng hằng đẳng thức	10	– Vận dụng được các hằng đẳng thức để phân tích đa thức thành nhân tử ở dạng: vận dụng trực tiếp hằng đẳng thức; vận dụng hằng đẳng thức thông qua nhóm hạng tử và đặt nhân tử chung.
6	§8. Phân tích đa thức thành nhân tử bằng	11	Vận dụng được phương pháp nhóm các hạng tử phân tích đa thức thành

	phương pháp nhóm các hạng tử		nhân tử. Nhóm để xuất hiện: - nhân tử chung. - hằng đẳng thức.
	Luyện tập	12	Vận dụng được các phương pháp cơ bản phân tích đa thức thành nhân tử: - Đặt nhân tử chung. - Dùng hằng đẳng thức.
7	§9. Phân tích đa thức thành nhân tử bằng cách phối hợp nhiều phương pháp	13	Vận dụng được các phương pháp cơ bản phân tích đa thức thành nhân tử: - Nhóm hạng tử. - Phối hợp các phương pháp phân tích thành nhân tử ở trên.
	Luyện tập	14	Vận dụng được các phương pháp cơ bản phân tích đa thức thành nhân tử: - Nhóm hạng tử. - Phối hợp các phương pháp phân tích thành nhân tử ở trên.
8	Chia đơn thức cho đơn thức, Chia đa thức cho đơn thức.	15	- Vận dụng được quy tắc chia đơn thức cho đơn thức, chia đa thức cho đơn thức.
	Luyện tập	16	- Vận dụng được quy tắc chia đơn thức cho đơn thức, chia đa thức cho đơn thức.
9	§12. Chia đa thức một biến đã sắp xếp	17	- Vận dụng được phép chia hai đa thức một biến đã sắp xếp.
	Ôn tập giữa kỳ I	18	HS được hệ thống lại các kiến thức cơ bản trong chương I như: Nhân, chia đơn thức, đa thức, các hằng đẳng thức đáng nhớ, phân tích đa thức thành

			nhân tử.
10	Kiểm tra giữa kỳ I	19	HS trả lời được các câu hỏi, làm được bài tập, biết áp dụng kiến thức vào giải quyết bài toán thực tế
10	Trả bài KTGK	20	Học sinh biết phát huy ưu điểm và hạn chế khuyết điểm trong để điều chỉnh việc học tập rèn luyện của mình
11	Luyện tập	21	- Vận dụng được phép chia hai đa thức một biến đã sắp xếp..
	§1. Phân thức đại số	22	Hiểu định nghĩa phân thức đại số, hai phân thức bằng nhau.
12	§2. Tính chất cơ bản của phân thức	23	Hiểu và Vận dụng được tính chất cơ bản của phân thức để rút gọn phân thức
	§3. Rút gọn phân thức	24	Hiểu và Vận dụng được tính chất cơ bản của phân thức để rút gọn phân thức
13	§4. Quy đồng mẫu thức của nhiều phân thức	25	Hiểu và Vận dụng được tính chất cơ bản của phân thức để quy đồng mẫu thức các phân thức.
	Luyện tập	26	Vận dụng được tính chất cơ bản của phân thức để quy đồng mẫu thức các phân thức
14	§5. Phép cộng các phân thức đại số	27	Hiểu và Vận dụng được các quy tắc cộng các phân thức đại số (các phân thức cùng mẫu và các phân thức không cùng mẫu).
	Luyện tập	28	Vận dụng được các quy tắc cộng các phân thức đại số (các phân thức cùng mẫu và các phân thức không cùng mẫu).
	§6. Phép trừ các phân thức đại số	29	Hiểu và Vận dụng được các quy tắc trừ các phân thức đại số (các phân thức cùng mẫu và các phân thức không cùng mẫu).

15	Luyện tập	30	Vận dụng được các quy tắc trừ các phân thức đại số (các phân thức cùng mẫu và các phân thức không cùng mẫu).
	§7. Phép nhân các phân thức đại số	31	<p>- Vận dụng được quy tắc nhân hai phân thức:</p> $\frac{A}{B} \times \frac{C}{D} = \frac{A.C}{B.D}.$ <p>- Vận dụng được các tính chất của phép nhân các phân thức đại số:</p> $\frac{A}{B} \times \frac{C}{D} = \frac{C}{D} \times \frac{A}{B} \quad (\text{tính giao hoán});$ $\left(\frac{A}{B} \times \frac{C}{D}\right) \times \frac{E}{F} = \frac{A}{B} \times \left(\frac{C}{D} \times \frac{E}{F}\right)$ <p>(tính kết hợp);</p> $\frac{A}{B} \times \left(\frac{C}{D} + \frac{E}{F}\right) = \frac{A}{B} \times \frac{C}{D} + \frac{A}{B} \times \frac{E}{F}$ <p>(tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng).</p>
	§8. Phép chia các phân thức đại số	32	<p>- Nhận biết được phân thức nghịch đảo và hiểu rằng chỉ có phân thức khác 0 mới có phân thức nghịch đảo.</p> <p>Vận dụng tính chia phân thức</p>
16	Luyện tập	33	Vận dụng được quy tắc nhân, chia hai phân thức để giải toán
	§9. Biến đổi các biểu thức hữu tỷ. Giá trị của phân thức	34	- Hiểu thực chất biểu thức hữu tỷ là biểu thức chứa các phép toán cộng, trừ, nhân, chia các phân thức đại số.
	Luyện tập	35	- Hiểu thực chất biểu thức hữu tỷ là biểu thức chứa các phép toán cộng, trừ,

			nhân, chia các phân thức đại số.
17	<i>Ôn tập chương II</i>	36	- Hệ thống hoá kiến thức cho HS để nắm vững các khái niệm: Phân thức đại số, hai phân thức bằng nhau, hai phân thức đối nhau, phân thức nghịch đảo, biểu thức hữu tỉ.
	<i>Ôn tập học kỳ I</i>	37	Rèn luyện kỹ năng làm tính thành thạo, luyện kỹ năng phân tích đa thức thành nhân tử, kỹ năng rút gọn phân thức, kỹ năng thực hiện các phép tính trong biểu thức
	<i>Ôn tập học kỳ I</i>	38	Rèn luyện kỹ năng làm tính thành thạo, luyện kỹ năng phân tích đa thức thành nhân tử, kỹ năng rút gọn phân thức, kỹ năng thực hiện các phép tính trong biểu thức
18	Kiểm tra học kỳ I	39	HS trả lời được các câu hỏi, làm được bài tập, biết áp dụng kiến thức vào giải quyết bài toán thực tế
18	Trả bài KTHK1	40	Học sinh biết phát huy ưu điểm và hạn chế khuyết điểm trong để điều chỉnh việc học tập rèn luyện của mình
19	§1. Mở đầu về phương trình	41	- Nhận biết được phương trình, hiểu nghiệm của phương trình: Một phương trình với ẩn x có dạng $A(x) = B(x)$, trong đó vế trái $A(x)$ và vế phải $B(x)$ là hai biểu thức của cùng một biến x . - Hiểu khái niệm về hai phương trình tương đương: Hai phương trình của cùng một ẩn được gọi là tương đương nếu chúng có cùng một tập hợp nghiệm.
	§2. Phương trình bậc nhất một ẩn và cách giải	42	Hiểu định nghĩa phương trình bậc nhất: $ax + b = 0$ (x là ẩn; a, b là những hằng số, $a \neq 0$) và nghiệm của phương trình bậc nhất.

			Vận dụng được quy tắc chuyển vế và quy tắc nhân.
20	§3. Phương trình đưa được về dạng $ax + b = 0$	43	- Có kĩ năng biến đổi tương đương để đưa phương trình đã cho về dạng $ax + b = 0$.
	Luyện tập	44	- Có kĩ năng biến đổi tương đương để đưa phương trình đã cho về dạng $ax + b = 0$.
21	§4. Phương trình tích	45	- Về phương trình tích $A.B.C = 0$ (A, B, C là các đa thức chứa ẩn), yêu cầu nắm vững cách tìm nghiệm của phương trình này bằng cách tìm nghiệm của các phương trình: $A = 0, B = 0, C = 0$.
	Luyện tập	46	- Về phương trình tích $A.B.C = 0$ (A, B, C là các đa thức chứa ẩn), yêu cầu nắm vững cách tìm nghiệm của phương trình này bằng cách tìm nghiệm của các phương trình: $A = 0, B = 0, C = 0$.
22	§5. Phương trình chứa ẩn ở mẫu thức	47 48	- Giới thiệu điều kiện xác định (ĐKXĐ) của phương trình chứa ẩn ở mẫu và nắm vững quy tắc giải phương trình chứa ẩn ở mẫu: + Tìm điều kiện xác định; + Quy đồng mẫu và khử mẫu; + Giải phương trình vừa nhận được; + Kiểm tra các giá trị của x tìm được có thỏa mãn ĐKXĐ không và kết luận về nghiệm của phương trình.
23	Luyện tập	49	giải phương trình chứa ẩn ở mẫu theo 4 bước:

	Giải bài toán bằng cách lập phương trình	50	Nắm vững các bước giải bài toán bằng cách lập phương trình. Bước 1: Lập phương trình + Chọn ẩn số và đặt điều kiện thích hợp cho ẩn số. + Biểu diễn các đại lượng chưa biết theo ẩn và các đại lượng đã biết. + Lập phương trình biểu thị mối quan hệ giữa các đại lượng. Bước 2: Giải phương trình. Bước 3: Chọn kết quả thích hợp và trả lời
24	Luyện tập	51	Vận dụng giải các bài toán bằng cách lập phương trình. – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với phương trình bậc nhất (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí, các bài toán liên quan đến Hoá học,...).
	<i>Ôn tập chương III</i>	52	Rèn kĩ năng giải phương trình bậc nhất, phương trình tích, phương trình chứa ẩn ở mẫu.
25	<i>Ôn tập chương III</i> (tt)	53	Rèn kĩ năng giải phương trình bậc nhất, phương trình tích, phương trình chứa ẩn ở mẫu, giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình.
	Ôn tập giữa kì 2	54	Học sinh hệ thống lại kiến thức và vận dụng giải phương trình một ẩn, phương trình tích, phương trình chứa ẩn ở mẫu, giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình.
26	Kiểm tra giữa kì 2	55	HS trả lời được các câu hỏi, làm được bài tập, biết áp dụng kiến thức vào giải quyết bài toán thực tế
26	Trả bài KT GK2	56	Học sinh biết phát huy ưu điểm và hạn chế khuyết điểm trong đề điều

			chỉnh việc học tập rèn luyện của mình
27	§1. Liên hệ giữa thứ tự và phép cộng	57	<p>Nhận biết được bất đẳng thức.</p> <p>Biết áp dụng một số tính chất cơ bản của bất đẳng thức để so sánh hai số hoặc chứng minh bất đẳng thức:</p> $a < b \Rightarrow a + c < b + c;$
27	§2. Liên hệ giữa thứ tự và phép nhân	58	<p>Nhận biết được bất đẳng thức.</p> <p>Biết áp dụng một số tính chất cơ bản của bất đẳng thức để so sánh hai số hoặc chứng minh bất đẳng thức:</p> $a < b \Rightarrow ac < bc \text{ với } c > 0;$ $a < b \Rightarrow ac > bc \text{ với } c < 0.$ $a < b \text{ và } b < c \Rightarrow a < c;$
28	Luyện tập	59	<p>Biết áp dụng một số tính chất cơ bản của bất đẳng thức để so sánh hai số hoặc chứng minh bất đẳng thức:</p> $a < b \text{ và } b < c \Rightarrow a < c;$ $a < b \Rightarrow a + c < b + c;$ $a < b \Rightarrow ac < bc \text{ với } c > 0;$ $a < b \Rightarrow ac > bc \text{ với } c < 0.$
	§3. Bất phương trình một ẩn	60	<p>Nhận biết được bất đẳng thức.</p> <p>Biết áp dụng một số tính chất cơ bản của bất đẳng thức để so sánh hai số hoặc chứng minh bất đẳng thức:</p> $a < b \text{ và } b < c \Rightarrow a < c;$

			$a < b \Rightarrow a + c < b + c;$ $a < b \Rightarrow ac < bc$ với $c > 0;$ $a < b \Rightarrow ac > bc$ với $c < 0.$
29	§4. Bất phương trình bậc nhất một ẩn	61	Nhận biết bất phương trình bậc nhất một ẩn và nghiệm của nó, hai bất phương trình tương đương. Vận dụng được quy tắc chuyển vế và quy tắc nhân với một số để biến đổi tương đương bất phương trình.
	§4. Bất phương trình bậc nhất một ẩn (tiếp)	62	<ul style="list-style-type: none"> - Giải thành thạo bất phương trình bậc nhất một ẩn. - Biết biểu diễn tập hợp nghiệm của bất phương trình trên trục số. - Sử dụng các phép biến đổi tương đương để biến đổi bất phương trình đã cho về dạng $ax + b < 0$, $ax + b > 0$, $ax + b \leq 0$, $ax + b \geq 0$ và từ đó rút ra nghiệm của bất phương trình.
30	Luyện tập	63	<ul style="list-style-type: none"> - Giải thành thạo bất phương trình bậc nhất một ẩn. - Biết biểu diễn tập hợp nghiệm của bất phương trình trên trục số. - Sử dụng các phép biến đổi tương đương để biến đổi bất phương trình đã cho về dạng $ax + b < 0$, $ax + b > 0$, $ax + b \leq 0$, $ax + b \geq 0$ và từ đó rút ra nghiệm của bất phương trình.
	§5. Phương trình chứa dấu giá trị tuyệt đối	64	Biết cách giải phương trình $ ax + b = cx + d$ (a, b, c, d là những hằng số).
31	Luyện tập	65	Vận dụng giải phương trình:

			$ ax + b = cx + d$ $(a, b, c, d \text{ là những hằng số}).$
32	<i>Ôn tập chương IV</i>	66	Biết cách giải thành thạo bất phương trình bậc nhất và phương trình giá trị tuyệt đối dạng $ ax = cx + d$ và dạng $ x + b = cx + d$. Biết giải các dạng bài toán chứng minh bất đẳng thức.
33	<i>Ôn tập học kỳ 2</i>	67	Rèn kĩ năng tính toán, kĩ năng trình bày bài toán giải pt, giải bất phương trình, chứng minh bất đẳng thức
34	Kiểm tra học kì 2	68	HS trả lời được các câu hỏi, làm được bài tập, biết áp dụng kiến thức vào giải quyết bài toán thực tế
35	<i>Ôn tập học kỳ 2(tt)</i>	69	Rèn kĩ năng tính toán, kĩ năng trình bày bài toán giải pt, giải bất phương trình, chứng minh bất đẳng thức
35	Trả bài KT HK2	70	Học sinh biết phát huy ưu điểm và hạn chế khuyết điểm trong để điều chỉnh việc học tập rèn luyện của mình

HÌNH HỌC HỌC KỲ I

TT	Tên chủ đề/Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt
1	§1. Tứ giác	1	Hiểu định nghĩa tứ giác, tứ giác lồi. Vận dụng được định lý về tổng các góc của một tứ giác.
	§2. Hình thang	1	Vận dụng định nghĩa về hình thang, hình thang vuông để giải các bài toán chứng minh, dựng hình đơn giản
2	§3. Hình thang cân	1	Vận dụng định nghĩa tính chất, các dấu hiệu nhận biết về hình thang cân để giải các bài toán chứng minh, dựng hình đơn giản
	Luyện tập	1	Vận dụng định nghĩa tính chất, các dấu hiệu nhận biết về hình thang cân để giải các bài toán chứng minh, dựng hình đơn giản.
3	§4.1 Đường trung bình của tam giác	1	HS vận dụng được các định lý về đường trung bình của tam giác để tính độ dài đoạn thẳng, chứng minh 2 đoạn thẳng bằng nhau, 2 đường thẳng song song.
	§4.2 Đường trung bình của hình thang	1	Vận dụng được các định lý về đường trung bình của hình thang để tính độ dài đoạn thẳng, chứng minh 2 đoạn thẳng bằng nhau, 2 đường thẳng song song
4	Luyện tập	1	HS vận dụng được các định lý về đường trung bình của tam giác, hình thang để tính độ dài đoạn thẳng, chứng minh 2 đoạn thẳng bằng nhau, 2 đường thẳng song song
4	§6. Đối xứng trục	1	Biết được:

			<ul style="list-style-type: none"> - Các khái niệm "đối xứng trục" - Trục đối xứng của một hình và hình có trục đối xứng.
5	Luyện tập	1	HS vận dụng được Trục đối xứng của một hình và hình có trục đối xứng.
	§7. Hình bình hành	1	<ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng được định nghĩa, tính chất, dấu hiệu nhận biết hình bình hành để giải các bài toán chứng minh và dựng hình đơn giản.
6	Luyện tập	1	<ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng được định nghĩa, tính chất, dấu hiệu nhận biết hình bình hành để giải các bài toán chứng minh và dựng hình đơn giản.
	§8. Đối xứng tâm	1	Biết được: <ul style="list-style-type: none"> - Các khái niệm "đối xứng tâm"; - Tâm đối xứng của một hình và hình có tâm đối xứng.
7	§9. Hình chữ nhật	1	<ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng được định nghĩa, tính chất, dấu hiệu nhận biết hình chữ nhật để giải các bài toán chứng minh và dựng hình đơn giản.
7	Luyện tập	1	Vận dụng được định nghĩa, tính chất, dấu hiệu nhận biết hình chữ nhật để giải các bài toán chứng minh và dựng hình đơn giản.
8	§10. Đường thẳng song song với một đường thẳng cho trước	1	Biết và hiểu được khái niệm khoảng cách giữa 2 đường thẳng song song, tính chất của các điểm cách 1 đường thẳng cho trước.
	§11. Hình thoi	1	<ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng được định nghĩa, tính chất, dấu hiệu nhận biết hình thoi để giải các bài toán chứng minh và dựng hình đơn giản.
9	Luyện tập	1	Vận dụng được định nghĩa, tính chất, dấu hiệu nhận biết hình thoi để giải các bài toán chứng minh và dựng hình đơn giản.

	Ôn tập giữa kì I	1	Hệ thống lại kiến thức tứ giác, hình thang, hình thang cân, hình chữ nhật.
10	Kiểm tra giữa kì I	1	Trả lời được các câu hỏi, làm được bài tập về tứ giác lồi, hình thang, đường trung bình của tam giác, của hình thang; đối xứng trục, hình bình hành, hình chữ nhật, biết áp dụng kiến thức vào giải quyết bài toán thực tế
10	Trả bài KT	1	Học sinh biết phát huy ưu điểm và hạn chế khuyết điểm trong để điều chỉnh việc học tập rèn luyện của mình
11	§12. Hình vuông	1	- Vận dụng được định nghĩa, tính chất, dấu hiệu nhận biết hình vuông để giải các bài toán chứng minh và dựng hình đơn giản.
	Luyện tập	1	- Vận dụng được định nghĩa, tính chất, dấu hiệu nhận biết hình vuông để giải các bài toán chứng minh và dựng hình đơn giản.
12	<i>Ôn tập chương I</i>	2	Vận dụng các kiến thức cơ bản để giải bài tập có dạng tính toán, chứng minh, nhận biết hình & tìm điều kiện của hình.
13	§1. Đa giác - Đa giác đều	1	Hiểu: - Các khái niệm đa giác, đa giác đều; - Quy ước về thuật ngữ "đa giác" được dùng ở trường phổ thông; - Cách vẽ các hình đa giác đều có số cạnh là 3, 6, 12, 4, 8
13	§2. Diện tích hình chữ nhật	1	Hiểu cách xây dựng công thức tính diện tích của hình chữ nhật, tam giác vuông, hình vuông, các hình tứ giác đặc biệt khi thừa nhận (không chứng minh). Vận dụng được các công thức tính diện tích các hình đã học.
14	Luyện tập	1	Vận dụng được các công thức tính diện tích các hình đã học: hình chữ

			nhật, tam giác vuông, hình vuông.
15	§3. Diện tích tam giác	1	Hiểu cách xây dựng công thức tính diện tích của hình tam giác Vận dụng được các công thức tính diện tích hình tam giác.
16	Luyện tập	1	Vận dụng được các công thức tính diện tích hình tam giác.
17	Ôn tập học kỳ I	1	Ôn tập các kiến thức về các tứ giác đã học. Ôn tập các công thức tính diện tích hình chữ nhật, tam giác.
18	Kiểm tra học kỳ I	1	HS trả lời được các câu hỏi, làm được bài tập, biết áp dụng kiến thức vào giải quyết bài toán thực tế
18	Trả bài KTGK1	1	Học sinh biết phát huy ưu điểm và hạn chế khuyết điểm trong để điều chỉnh việc học tập rèn luyện của mình
19	§4. Diện tích hình thang	1	Hiểu cách xây dựng công thức tính diện tích của hình thang, hình bình hành Vận dụng được các công thức tính diện tích hình thang, hình bình hành.
	§5. Diện tích hình thoi	1	Hiểu cách xây dựng công thức tính diện tích hình thoi- hình tứ giác đặc biệt khi thừa nhận (không chứng minh). Vận dụng được các công thức tính diện tích tg có 2 đường chéo vuông góc, hình thoi.
20	Luyện tập	1	Vận dụng được các công thức tính diện tích các hình đã học: tg có 2 đường chéo vuông góc, hình thoi.
	§6. Diện tích đa giác	1	Biết cách tính diện tích của các hình đa giác lồi bằng cách phân chia đa giác đó thành các tam giác.
21	§1. Định lý Talet trong tam giác	1	- Hiểu các định nghĩa: Tỉ số của hai đoạn thẳng, các đoạn thẳng tỉ lệ. - Hiểu định lí Ta-lét của tam giác.

			Vận dụng được các định lý đã học.
21	§2. Định lý đảo và hệ quả của định lý Talet	1	- Hiểu định lý Ta-lét của tam giác. Vận dụng được các định lý đã học.
22	Luyện tập	1	Vận dụng được các định lý Ta-lét đã học.
	§3. Tính chất đường phân giác của tam giác	1	- Hiểu tính chất đường phân giác của tam giác. Vận dụng được các định lý đã học.
23	Luyện tập	1	Vận dụng được các định lý đã học.
	§4. Khái niệm hai tam giác đồng dạng	1	- Hiểu định nghĩa hai tam giác đồng dạng.
24	§5. Trường hợp đồng dạng thứ nhất	1	- Hiểu các định lý về: trường hợp đồng dạng thứ nhất của hai tam giác. - Vận dụng được trường hợp đồng dạng thứ nhất của hai tam giác để giải toán.
24	§6. Trường hợp đồng dạng thứ hai	1	- Hiểu các định lý về: trường hợp đồng dạng thứ hai của hai tam giác. - Vận dụng được trường hợp đồng dạng thứ hai của hai tam giác để giải toán.
25	§7. Trường hợp đồng dạng thứ ba	1	- Hiểu các định lý về: trường hợp đồng dạng thứ ba của hai tam giác. - Vận dụng được trường hợp đồng dạng thứ ba của hai tam giác để giải toán.
	Ôn tập giữa kì 2	1	Hệ thống lại kiến thức về diện tích hình thoi, hình vuông, định lý talet thuận đảo, định lý đường phân giác của tam giác, trường hợp đồng dạng của tam giác

26	Kiểm tra giữa kì 2	1	HS nhận biết được, viết được, tính được, chứng minh được về diện tích hình thoi, hình vuông, định lý talet thuận đảo, định lý đường phân giác của tam giác, trường hợp đồng dạng của tam giác
26	Trả bài KTGK	1	Học sinh biết phát huy ưu điểm và hạn chế khuyết điểm trong để điều chỉnh việc học tập rèn luyện của mình
27	Luyện tập	1	- Vận dụng được 3 trường hợp đồng dạng của hai tam giác để giải toán.
	Luyện tập	1	- Vận dụng được 3 trường hợp đồng dạng của hai tam giác để giải toán.
28	§8. Các trường hợp đồng dạng của tam giác vuông	1	+ Các trường hợp đồng dạng của hai tam giác vuông. - Vận dụng được các trường hợp đồng dạng của tam giác vuông để giải toán.
28	Luyện tập	1	- Vận dụng được các trường hợp đồng dạng của tam giác vuông để giải toán.
29	§9. Ứng dụng thực tế của tam giác đồng dạng	1	- Biết ứng dụng tam giác đồng dạng để đo gián tiếp các khoảng cách. – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc vận dụng kiến thức về hai tam giác đồng dạng (ví dụ: tính độ dài đường cao hạ xuống cạnh huyền trong tam giác vuông bằng cách sử dụng mối quan hệ giữa đường cao đó với tích của hai hình chiếu của hai cạnh góc vuông lên cạnh huyền; đo gián tiếp chiều cao của vật; tính khoảng cách giữa hai vị trí trong đó có một vị trí không thể tới được,...).
29	Thực hành (đo chiều cao một vật, đo khoảng cách giữa hai điểm trên mặt đất, trong đó có một điểm không thể tới được	1	- Biết ứng dụng tam giác đồng dạng để đo gián tiếp các khoảng cách.

30	Thực hành (đo chiều cao một vật, đo khoảng cách giữa hai điểm trên mặt đất, trong đó có một điểm không thể tới được	1	– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc vận dụng kiến thức về hai tam giác đồng dạng (ví dụ: tính độ dài đường cao hạ xuống cạnh huyền trong tam giác vuông bằng cách sử dụng mối quan hệ giữa đường cao đó với tích của hai hình chiếu của hai cạnh góc vuông lên cạnh huyền; đo gián tiếp chiều cao của vật; tính khoảng cách giữa hai vị trí trong đó có một vị trí không thể tới được,...).
30	<i>Ôn tập chương III</i> (với sự trợ giúp của máy tính cầm tay CASIO, Vinacal,	1	Biết vận dụng dựa vào tam giác đồng dạng để tính toán, chứng minh.
31	§1. Hình hộp chữ nhật	1	Nhận biết được hình hộp chữ nhật và các yếu tố của chúng.
	§2. Hình hộp chữ nhật (tiếp)	1	Nhận biết được các loại hình đã học và các yếu tố của chúng.
	§3. Thể tích hình hộp chữ nhật	1	- Vận dụng được các công thức tính diện tích, thể tích các hình hình hộp chữ nhật. - Biết cách xác định hình khai triển của các hình đã học.
32	<i>Hình lăng trụ đứng</i>	2	Nhận biết được các loại hình lăng trụ đứng và các yếu tố của chúng. - Vận dụng được các công thức tính diện tích, thể tích các hình hình lăng trụ đứng. - Biết cách xác định hình khai triển của các hình đã học.
	Luyện tập	1	- Vận dụng được các công thức tính diện tích, thể tích các hình hình lăng trụ đứng.

	§7. Hình chóp đều và hình chóp cụt đều	1	Nhận biết được các loại hình chóp đều và hình chóp cụt đều và các yếu tố của chúng.
33	§8. Diện tích xung quanh của hình chóp đều	1	- Vận dụng được các công thức tính diện tích xung quanh của hình chóp đều. - Biết cách xác định hình khai triển của các hình đã học.
	§9. Thể tích của hình chóp đều	1	- Vận dụng được các công thức tính thể tích xung quanh của hình chóp đều . - Biết cách xác định hình khai triển của các hình đã học.
	Luyện tập	1	- Vận dụng được các công thức tính diện tích xung quanh, thể tích xung quanh của hình chóp đều .
	Ôn tập chương IV	1	Ôn tập các kiến thức tính thể tích, diện tích hình chóp, hình lăng trụ, hình hộp chữ nhật và vận dụng làm bài tập.
	Ôn tập HKII	1	Hs vận dụng được các công thức đã học vào các dạng bài tập: Nhận biết, tính toán, ... - Rèn luyện kỹ năng chứng minh hình và tính diện tích xung quanh, thể tích các hình .
34	Kiểm tra học kì 2	1	HS trả lời được các câu hỏi, làm được bài tập, biết áp dụng kiến thức vào giải quyết bài toán thực tế
35	Ôn tập cuối năm	1	Hệ thống được các kiến thức trong năm học
35	Trả bài KTHK2	1	Học sinh biết phát huy ưu điểm và hạn chế khuyết điểm trong để điều chỉnh việc học tập rèn luyện của mình

2. Chuyên đề lựa chọn (đối với cấp trung học phổ thông)

STT	Chuyên đề (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
1			
2			
...			

(1) Tên bài học/chuyên đề được xây dựng từ nội dung/chủ đề/chuyên đề (được lấy nguyên hoặc thiết kế lại phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường) theo chương trình, sách giáo khoa môn học/hoạt động giáo dục.

(2) Số tiết được sử dụng để thực hiện bài học/chủ đề/chuyên đề.

(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt theo chương trình môn học: Giáo viên chủ động các đơn vị bài học, chủ đề và xác định yêu cầu (mức độ) cần đạt.

3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1	90'	Tuần 10, 7-13/11/2022	-Biết nhân, chia đa thức; biết các hằng đẳng thức đáng nhớ, sử dụng được vào việc phân tích đa thức thành nhân tử - Biết khái niệm và tính chất các hình: tứ giác, hình thang, thang vuông, thang cân, hình bình hành, hình chữ nhật, hình	Kiểm tra viết

			thời. Làm được một số bài tập có liên quan	
Cuối Học kỳ 1	90'	Tuần 18, 2-8/01/2023	<ul style="list-style-type: none"> -Biết khái niệm phân thức, các phép tính cộng, trừ, nhân chia phân thức, biến đổi được các biểu thức hữu tỉ. - Biết được công thức diện tích các hình tam giác, hình chữ nhật, hình bình hành;. 	Kiểm tra viết
Giữa Học kỳ 2	90'	Tuần 26, 6-12/3/2023	<ul style="list-style-type: none"> -Biết phương trình bậc nhất một ẩn; biết giải PT bậc nhất một ẩn và các phương trình quy về PT bậc nhất một ẩn, giải được bài toán bằng cách lập phương trình - Biết tỉ số hai đoạn thẳng, đoạn thẳng tỉ lệ, định lý Ta let (thuận và đảo); biết tam giác đồng dạng, vận dụng các trường hợp đồng dạng của hai tam giác, tính chất đường phân giác của tam giác vào chứng minh, tính toán cụ thể 	Kiểm tra viết
Cuối Học kỳ 2	90'	Tuần 34, 1-7/5/2023	- Biết liên hệ giữa thứ tự	Kiểm tra viết

			<p>và phép cộng, phép nhân; biết khái niệm và giải được bất PT bậc nhất một ẩn; biết biểu diễn tập nghiệm của bất PT bậc nhất một ẩn trên trục số.</p> <p>- Vận dụng các trường hợp đồng dạng của hai tam giác vào chứng minh hoặc tính toán; biết khái niệm hình hộp chữ nhật, lăng trụ đứng; tính được diện tích xung quanh và thể tích của hình hộp chữ nhật, lăng trụ đứng.</p>	
--	--	--	---	--

(1) Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá.

(2) Tuần thứ, tháng, năm thực hiện bài kiểm tra, đánh giá.

(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt đến thời điểm kiểm tra, đánh giá (theo phân phối chương trình).

(4) Hình thức bài kiểm tra, đánh giá: viết (trên giấy hoặc trên máy tính); bài thực hành; dự án học tập.

III. Các nội dung khác (nếu có):

.....

.....

.....

.....

.....

TỔ TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

Võ Cảnh Từ

Núi Thành, ngày 15 tháng 9 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)